

**CTY TNHH MTV XÂY DỰNG
BÁCH THUẬN HƯNG**

0300080

Số: 09.12026

V/v tự công bố công khai thông tin
về năng lực hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng trên địa
bàn tỉnh An Giang theo quy định
tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP
ngày 13/01/2026 của chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

0300080

An Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2026



**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐỀ N Số: 17288
Ngày: 17/2/26
Chuyên: ...
Lưu hồ sơ số: ...

Kính gửi: Sở Xây dựng Tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về
điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan
đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ- UBND ngày 01/07/2025 của chủ tịch Ủy Ban nhân
dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Xây
dựng tỉnh An giang

Căn cứ kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 13/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An
Giang về việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-SXD ngày 22/01/2026 của Sở Xây Dựng tỉnh An Giang
về việc chuyển đổi số năm 2026

Thực hiện Công văn số 3491/SXD-QLCLCT ngày 17/04/2026 của Sở Xây dựng tỉnh
An Giang về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực Cty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng
Bách Thuận Hưng

Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bách Thuận Hưng công bố công khai
thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Một Thành
Viên Xây Dựng Bách Thuận Hưng

Quyết định thành lập số: 1601595628, cấp lần đầu ngày 15/11/2011, cấp lần 5 ngày
04/01/2026, đơn vị cấp: Sở tài chính Tỉnh An Giang (đính kèm bản photo)

Địa chỉ: Số 1171, Tổ 4, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Hậu, An Giang

Điện thoại: 0939.442.439 Email: nguyenminhtuanxd439@gmail.com

Mã số thuế: 1601595628

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định chất lượng công trình. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 01.005**

(Đã được cấp giấy chứng số 2751/GCN-SXD; ngày cấp 27 tháng 06 năm 2024; đơn vị cấp: Sở Xây dựng An Giang; hiệu lực đến ngày 27 tháng 06 năm 2029. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 01.005** (đính kèm bản photo)

Địa chỉ: số 26, đường số 04, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang

Điện thoại: 02966.265588; Email: bachthuanhung1355@gmail.com

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C188; ASTM C204	Sàng thí nghiệm; Cân kỹ thuật; sàng	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
2.	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định cường độ	TCVN 6016:2011 ASTM C109	Tủ dưỡng hộ; bể ngâm mẫu; xi măng, cát tiêu chuẩn ISO; sàng thử nghiệm.	
3.	Xi măng - Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187, ASTM C191	Cân; ống đong có vạch chia hoặc Buret; máy trộn, nước	
4.	Xác định hàm lượng clorua (Cl-)	TCVN 141-2023	Hóa chất; Cân; Tủ sấy; Lò nung; Thiết bị quang phổ hấp thụ nguyên tử hoặc thiết bị quang phổ ngọn lửa; Bình khí nén axetylen sạch; Tủ hút; Bình hút ẩm; Buret; Giấy lọc; Ống đong dung tích; Chày, cối; Sàng	

5.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 3736:1982 TCVN 6017:95, BS 196:05, BS 1881BS EN 196-3:10, ASTM C187-11, ASTM C191:08, ASTM C191 REV A:2001, ASTM C359 JIS R 5201:97, AASHTO T129, AASHTOT131:10, M85 ASTM C150	Bàn dằn và khuôn hình côn; chày tròn; khuôn mẫu; bàn rung; máy uốn, máy nén; thùng chung mẫu; cân.	
II THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
6.	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382-2012 QĐ số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998 TCVN 10306:2014 22TCN 276:2001 TCXD 127:1985	Dụng cụ lấy mẫu và khuôn đúc mẫu	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
7.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Dụng cụ lấy mẫu và khuôn đúc mẫu	
8.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASHTO T199 ASTM C143/C143-M	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	
9.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Cân, thùng đong, thước lá kim loại	
10.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022	Khuôn mẫu, bàn rung, thanh đầm, cân, sàng, thước tử sấy, khay, thùng kim loại, ống đong, pipet, bay, giấy thấm	
11.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022	Bình Pycnometer; cân; tử sấy; máy nghiền thô; máy nghiền mịn; bếp đun cách thủy; sàng; bình hút ẩm; hóa chất; nước cất.	
12.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022	Cân; thùng ngâm; tử sấy; bàn chải đá mài; bình hút ẩm.	
13.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022	Cân; thước đo; tử sấy; bình hút ẩm; túi cách hơi hoặc thùng kín.	

14.	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39:18; STM C42:18; AASHTO T22; AASHTO T140	Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm ² -s), thước lá kim loại, đệm truyền tải	
15.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022 ASTM C78; ASTM C293; AASHTO T97; AASHTO T177	Máy thử uốn 50 tấn (0,6±0,4 daN/cm ² -s), thước lá kim loại	
16.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 2022	Máy nén; gối truyền tải; tấm đệm	
17.	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726: 2022	Khung đo biến dạng; biến dạng kế; máy nén; thước đo.	
18.	Xác định thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403/C403M AASHTO T197M/T197	Dụng cụ thử xuyên; khuôn; sàng; que chọc; nhiệt kế; pipet.	
19.	Khoan lấy lõi bê tông bằng khoan từ các cấu kiện	TCXDVN 239:2006	Máy khoan lõi; máy nén	
III THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG, VỮA VÀ ĐÁ GÓC				
20.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Dụng cụ lấy mẫu và khuôn đúc mẫu	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
21.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136/C136M; AASHTO T27	Cân (1%); Sàng (2,5; 5; 10; 20; 40; 70; 100 mm và 0.140; 0.315; 0.63; 1,25 mm); máy lắc sàng; tủ sấy	
22.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006 ASTM C127; ASTM C128; ASTM C29 AASHTO T225, AASHTO T85, AASHTO T19	Cân (0.1%); tủ sấy; bình dung tích miệng rộng; côn thử độ sụt cốt liệu; bình hút ẩm; sàng (5; 0.14mm); thùng ngâm mẫu; khay chứa mẫu; khăn thấm nước	
23.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 ASTM C70, ASTM C127, ASTM C566 AASHTO T85 BS EN 1097-6	Cân thủy tĩnh (1%);thùng ngâm mẫu; khăn thấm nước; thước kẹp; tủ sấy; bàn chải sắt	

24.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29/C29M	Thùng đóng (1; 2; 5; 10 và 20 lít); cân (1%); phễu rót vật liệu; bộ sàng TC; tủ sấy; thước lá; thanh gỗ
25.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566; ASTM D2216	Cân (1%); tủ sấy; dao
26.	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét, trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117; ASTM C142/C142M; AASHTO T112	Cân (0.1%); tủ sấy; thùng rửa cốt liệu; đồng hồ bấm giây
27.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40/C40M	Ống đóng (100; 250ml); cân (0.1%); bếp cách thủy; sàng 20mm; bảng so màu; NaOH 3%; rượu etylic 1%; tananh 2%
28.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D7012 ASTM D2938	Máy nén; máy khoan; máy cưa đá; thước kẹp; thùng ngâm mẫu; máy mài nước
29.	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 ASTM C131; ASTM D2938	Máy nén 500kN; xi lanh nén đập; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thùng ngâm mẫu
30.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131/C131M; ASTM C535; AASHTO T96; AASHTO T327	Máy mài mòn; Cân (1%); Sàng (37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36; 1,7 mm); tủ sấy
31.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM C117; AASHTO T335	Cân (1%); thước kẹp cải tiến; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy
32.	Khả năng phản ứng kiềm -Silic	TCVN 7572-14:2006	Cân (0.01g); tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; kim sắt; búa con
33.	Hàm lượng Ion clo (CL)	TCVN 7572-15:2006	Cân (0.001g); tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; giấy nhám; đĩa thủy tinh
34.	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:2006	Bộ phản ứng bằng thép không rỉ
35.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006 ASTM C142	Dụng cụ chuẩn độ, hóa chất,
36.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006 ASTM C123	Cân; sàng; bình hút ẩm; tủ sấy; cốc nung; lò nung; máy lắc; bình; thước thử; metyl đỏ.
37.	Xác định Hệ số (ES)	ASTM D2419-91	Dụng cụ đọc cát và đế

IV THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
38.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng; cân kỹ thuật; tủ sấy điện	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
39.	Lấy mẫu	TCVN 3121-2:2022	Dụng cụ lấy mẫu và khuôn đúc mẫu	
40.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437:15	Cân kỹ thuật; thước kẹp; bay, chảo trộn; bàn dần	
41.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật	
42.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Khay đựng; kim đâm xuyên; vòng đệm; cơ cấu đòn bẩy; cân kyc thuật	
43.	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ;Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1 mm; cân thủy tĩnh.	
44.	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109/C109M	Khuôn kim loại; chày đầm mẫu; thùng dưỡng mẫu; mảnh vải cotton; giấy lọc; tấm kính; máy uốn; máy nén	
45.	Xác định cường độ của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022	Thùng đựng có nắp; bay; dao; xẻng; cân.	
46.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Tủ sấy; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu	
47.	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Tủ sấy; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu	
V THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG				
48.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ thấm nước, độ hút nước	TCVN 6477:2016	Máy nén; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu; Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1 mm, bộ thử thấm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
49.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009		
VI THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG				
50.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan.	TCVN 6355-1:2009	Máy nén; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu; Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1 mm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn

51.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6355-2:2009		Hải Tường
52.	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 6355-3:2009		
53.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009		
54.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009		
55.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009		
VII	THỬ NGHIỆM NGÓI LỘP			
56.	Xác định tải trọng uốn gãy; Thời gian xuyên nước; Khối lượng 1 m2 ngói bảo hòa nước; Độ hút nước	TCVN 4313:2023	Máy nén, tủ sấy, thùng ngâm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
VIII	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN			
57.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; độ mài mòn; độ hút nước; độ chịu lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995	Thước; cân; tủ sấy; Máy mài mòn, máy nén, máy uốn	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
IX	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỨNG ÁP (ACC) - BÊ TÔNG BỐT VÀ BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHỨNG ÁP			
58.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Cường độ nén; Khối lượng thể tích khô; Độ co ngót khô; Độ hút nước	TCVN 9030:2017 TCVN 7959 : 2011	Thước; cân; tủ sấy; Máy nén, đồng hồ so	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
59.	Độ vuông góc	TCVN 6415-2:2016	Thước	
60.	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7744:20013	Thước	
61.	Độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân; tủ sấy	
X	THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN			

62.	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; Độ hút nước; Độ xốp biểu kiến; Khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể; Độ bền uốn và lực uốn gãy; Độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men; Độ mài mòn bề mặt với gạch phủ men; Hệ số giãn nở nhiệt dài; Độ bền sốc nhiệt; Độ bền rạn men.	TCVN 6415:2016	Thước; đồng hồ đĩa số + tấm phẳng hiệu chuẩn; Máy nén, máy uốn; máy mài mòn; tủ sấy; bình chân không và hệ thống hút chân không, bình hút ẩm; bi thép; thiết bị thả rơi bi và dụng cụ đo thời gian; thiết bị gia nhiệt các dụng cụ tương ứng với thí nghiệm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
63.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 2101:2008	Thước kẹp, thước lá, thước thẳng nivo, Máy nén, máy mài mòn, tủ sấy, cân điện tử, chất mài mòn Alundum N60	
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO			
64.	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ sai lệch về kích thước và hình dạng sản phẩm; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Máy nén; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu; Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1 mm, máy mài mòn	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
65.	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995		
66.	Độ bền uốn, MPa	TCVN 6355-2:2009		
XII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
67.	Vật liệu kim loại – Thử kéo	TCVN 197:2014 ASTM A370-16 AASHTO T68/T68M, AASHTO T244	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp (5%mm), dụng cụ Palme (1%mm), cân (0,1g), thước lá kim loại; máy uốn; con lăn	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
68.	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008 ASTM A370-16 AASHTO T244		
69.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại- Thử uốn	TCVN 5401:2010		

70.	Thử phá hủy mỗi hàn vật liệu kim loại- Thử kéo ngang	TCVN 5403:210 AASHTO T244-90 TCVN 8310:2010		
71.	Thử phá hủy mỗi hàn vật liệu kim loại- Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010		
72.	Thử kéo bu long, vít, đai ốc – yêu cầu kỹ thuật	TCVN 197:14 TCVN 198:2008 TCVN 1916:1995 ASTM A370 ASTM F606 AASHTO T68		
73.	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 6284 : 1997 22 TCN 267: 2000 ASTM A416 ASTM A370 ASTM A1061		
74.	Thí nghiệm mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đỡ, ống thép, thép bản, thép hình, thép lưới, nhôm, tôn lợp mái	TCVN 197:14 TCVN 198:2008 TCVN 1916:1995 TCVN 8163:2009 TCVN 5709:2009 TCVN 13711-2:2023; ISO 15835-2		
75.	Cốt thép- Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997		
76.	Kiểm tra không phá hủy mỗi hàn - pp thẩm thấu	TCVN 4617:2018	Máy siêu âm mỗi hàn	
77.	Kiểm tra không phá hủy mỗi hàn - Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4369:2018	Máy siêu âm; chứng chỉ nhân viên	
78.	Kiểm tra các mối hàn bằng siêu âm	TCVN 6735:2000 BS 3923:1995	Máy siêu âm; chứng chỉ nhân viên	
XIII THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
79.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Máy nén Marshall, đồng hồ so, bộ khuôn đúc	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
80.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, đồng hồ so, bộ khuôn đúc	

81.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 ASTM D2172 AASHTO T164	Máy quay li tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, ống đông, bình hút ẩm	
82.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng mắt vuông, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	
83.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy	
84.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, nhiệt kế, tủ sấy	
85.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Cân, nhiệt kế, tủ sấy, rọ đựng mẫu	
86.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân, ống đông, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt	
87.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan rút lõi, nén Marshall, đồng hồ so, cân có độ chính xác 0.1%, bể nước, tủ sấy, nhiệt kế, dây treo và giỏ đựng mẫu	
88.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy Cân, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, nhiệt kế, tủ sấy	
89.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011		
90.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011		
91.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall, đồng hồ so, bộ khuôn đúc	
XIV THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM				
92.	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 (ASTM D 5-97)	Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng, bể ổn định, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
93.	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:2005 (ASTM D 36-00)	Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, bình	

94.	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005 (ASTM D 92-02b)	Thiết bị cốc hồ Cleveland, dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử, hóa chất và vật liệu	
95.	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 (ASTM D 6-00)	Tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu	
96.	Phương pháp xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005 (ASTM D 2042-01)	Cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, bình Erlenmeyer, tủ sấy, hóa chất.	
97.	Phương pháp xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 (ASTM D 70-03)	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế	
98.	Phương pháp xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005 (ASTM D 2170-01a)	Nhớt kế, nhiệt kế, bể, dụng cụ đo thời gian, các dụng cụ điện tử đo thời gian	
99.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất.	TCVN 7503:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, ống nghiệm, bình Erlenmeyer, bình lọc, chai thủy tinh, phễu, chậu, cân, đèn thí nghiệm, bình hút ẩm, dụng cụ đo thời gian, kẹp	
100.	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế	
XV THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN				
101.	Xác định: hình dáng bên ngoài, thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung	22 TCN 58:1984; TCVN 12884- 2:2020; AASHTO T27;	Kính lúp hay kính phóng đại, Bộ sàng gồm 5 cỡ sàng, Cân kỹ thuật, Bát sứ, chày, bình đựng nước, bình hút ẩm, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
102.	Khối lượng riêng của bột khoáng, hàm lượng nước, hệ số hao nước, khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22 TCN 58:1984; TCVN 12884- 2:2020; AASHTO T27;	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm, bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình rửa, nhiệt kế, sàng, bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa	
103.	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984; TCVN 12884- 2:2020; AASHTO T27;	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm, bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình rửa, nhiệt kế, sàng, bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa	

104.	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường, hàm lượng chất hòa tan trong nước, chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng, Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984; TCVN 12884- 2:2020; AASHTO T27;	Cân kỹ thuật, Cân thủy tinh, Thiết bị khống chế nhiệt độ ngâm mẫu, Nhiệt kế, Máy hút chân không, Chậu đựng nước, Dụng cụ Vi ca, Bát sắt, Bát sứ, Dầu AK 15, Dao thép	
XVI THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG				
105.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Cối đầm nén và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật, sàng, bình phun nước, tủ sấy (t ₀), bình hút ẩm, hộp nhôm, dao gọt đất, vò đập đất, khay, vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
106.	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012		
107.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012		
108.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014		
109.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor	TCVN 4201:2012		
110.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) đất, đá	TCVN 4202:2012 TCVN 10322:2014	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, cân (0,01 và 0,1g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm	
111.	Thí nghiệm sức chịu tải CBR trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006 TCVN 12792:2020 AASHTO T193-13 ASTM D1883-16	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối, khuôn CBR, tấm đệm, chày đầm, dụng cụ đo độ trương nở, giá đỡ thiên phân kế, tấm gia tải thép, bể ngâm, tủ sấy, cân, sàng.....	
112.	Đất, đá đầm trong công trình giao thông – Đầm nén Proctor	22TCN 333:2006; TCVN 12790:2020 AASHTO T 99-18	Cối, chày, cân, tủ sấy, sàng, thanh thép gạt, hộp giữ ẩm	
113.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166 :01 AASHTO T209	Máy nén, bộ thiết bị đùn mẫu, khung gá mẫu, khuôn cối, đồng hồ đo biến dạng, tấm đệm	
XVII THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH				

114.	Cường độ kháng ép (độ bền khi nén)	22TCN 59:1984 ASTM D2166 TCVN 10379:14 TCVN 8858:11	Bộ thí đầm nén tiêu chuẩn (Proctor), máy nén, khuôn đúc mẫu, bể ngâm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
115.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:11 ASTM D1633	Máy nén, tấm đệm truyền tải vô cơ, tấm đệm gỗ dài hơn đường sinh của mẫu thử	
116.	Xác định Mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:13	Máy nén có đồng hồ đo lực có hộp số điều chỉnh tốc độ nén, tấm đệm truyền tải bằng thép, khuôn đúc mẫu, chuyển vị kế	
117.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; thí nghiệm xác định mô đun biến dạng; thí nghiệm xác định Độ ổn định nước và nhiệt độ	22TCN 59:1984	Bộ đầm nén tiêu chuẩn cỡ nhỏ, cây trụ nén, máy nén, máy hút chân không, bình giữ ẩm	

XVIII THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG

118.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012 TCVN 12791:2020 22TCN 02:1971	Dao đai tròn bằng thép dung tích 100cm ³ , cân 5kg (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, vazolin, chảo sấy, cón, búa đóng 0,5kg, gỗ đệm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường, Lôi Thanh Hiền
119.	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 AASHTO T 191	Phễu rót cát; cát chuẩn; cân 15kg/1g; cân (1500g/0.01g); tủ sấy; sàng (2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 4.75; 19mm)	
120.	Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng, kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng, cát mịn, nivô	
121.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011 ASTM E1082	Thước thẳng dài 3m, nệm đo độ hồng, chổi	
122.	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Belkenman	TCVN 8867:2011 AASHTO T256	Kích thủy lực, cần benkenman, tấm đế thép, xe tải, đồng hồ đo chuyển vị	

123.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965	Cát tiêu chuẩn, ống đồng, bàn xoa, thước, bàn chải sắt, cân	
124.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện trở	
125.	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012	Máy toàn đạc	
126.	Phương pháp xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Kích thủy lực	
127.	Cọc – phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, bơm điện, đồng hồ đo chuyển vị, máy thủy bình, máy kinh vĩ, mìa, thước, tải trọng, hệ neo	
128.	Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012	Máy toàn đạc điện tử; máy thủy chuẩn độ chính xác cao; Mìa; Cóc;	
XIX KIỂM TRA CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC				
129.	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật cọc; độ bền uốn nứt thân cọc; độ bền uốn thân cọc PHC và NPH dưới tải trọng nén dọc trục; khả năng bền cắt thân cọc PHC, NPH; độ bền uốn gãy thân cọc; độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014	Thước thép cuộn 30m độ chính xác 1mm, thước thép dài 1m độ chính xác 1mm, thước kẹp, Eke, Kính lúp độ phóng đại 20 lần, bộ căn lá thép, máy nén	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
130.	Kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 3118:2022	Máy nén	
XX KIỂM TRA ỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC				

131.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kiểm tra kích thước và độ vuông góc; kiểm tra khả năng chịu tải; kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9113:2012	Thước thép, thước kẹp, kính lúp, máy khoan, máy ép thủy lực, dụng cụ thử thấm	Nguyễn Quốc Trí, Nguyễn Hải Tường
132.	Kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 3118:2022	Máy nén	

Công ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Bách Thuận Hưng cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Giám đốc



Nguyễn Minh Tuấn